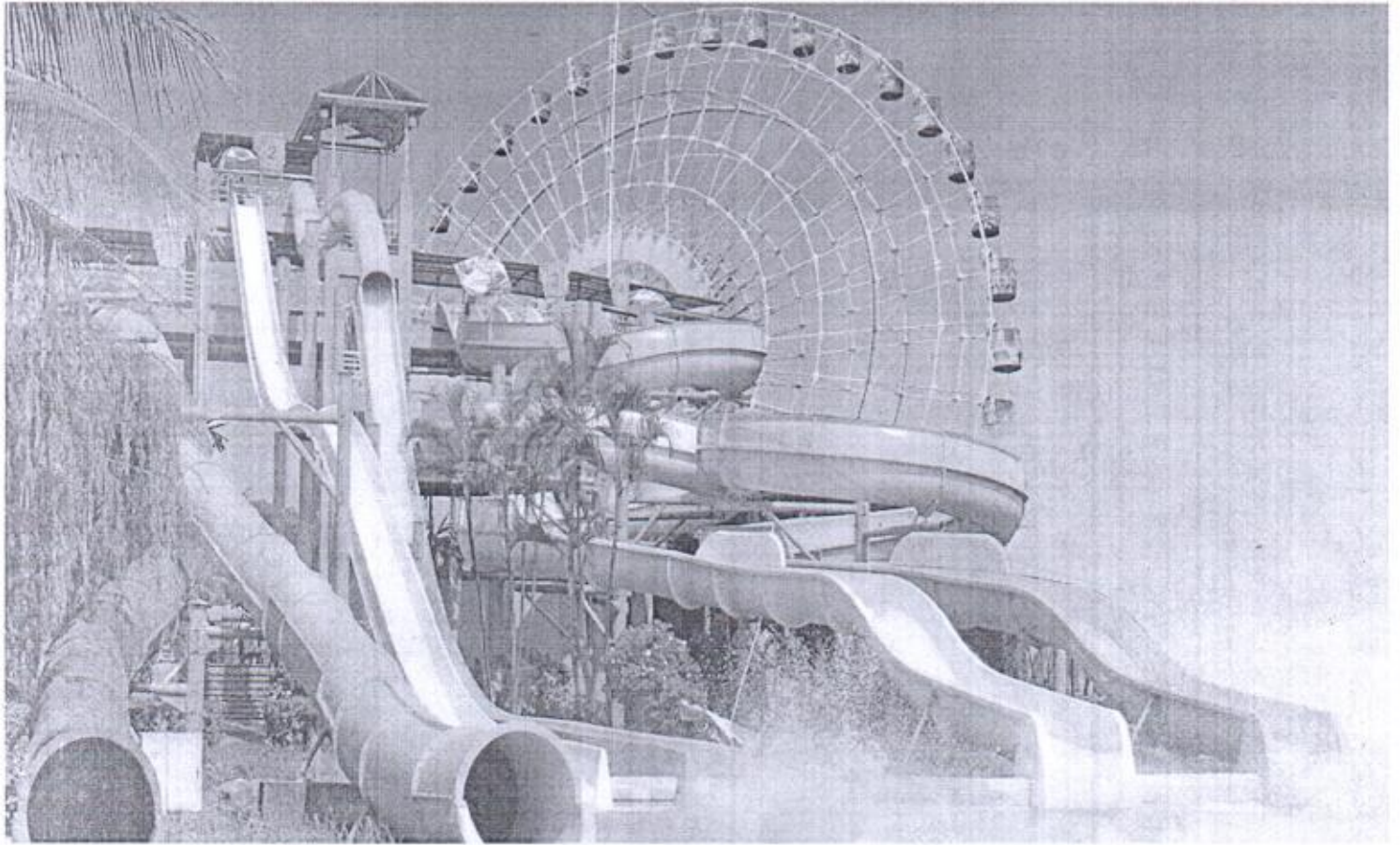




CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI (HASECO)

CÔNG VIÊN HỒ TÂY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
Tên đăng ký Tiếng Anh:	HANOI ENTERTAINMENT SERVICES CORPORATION
Tên giao dịch:	HASECO
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	0100844825 cấp ngày 22/10/2010 (đăng ký thay đổi lần thứ 6)
Vốn điều lệ:	100 tỷ đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	92.974.500.000 đồng
Địa chỉ:	Số 614 Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại:	(04) 3718-4193
Fax:	(04) 3718-4190

2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày thành lập

- ◆ Ngày 04/11/1998, UBND Thành phố Hà Nội có quyết định thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.

Các mốc sự kiện quan trọng

- ◆ Năm 1999 được cấp giấy chứng nhận sử dụng 6,4 ha đất trên quận Tây Hồ.
- ◆ Ngày 19/5/2000 khai trương Công viên Nước.
- ◆ Ngày 02/07/2000 khai trương Công viên Mặt trời Mới (Công viên Vàng Trăng cũ).
- ◆ Năm 2010 hoàn thành thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 1,7 ha.
- ◆ Năm 2010 tổ chức thành công sự kiện “1000 năm Thăng Long – Hà Nội” tại Công viên Hồ Tây.
- ◆ Năm 2015 tổ chức kỷ niệm 15 năm khai trương Công viên Nước

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

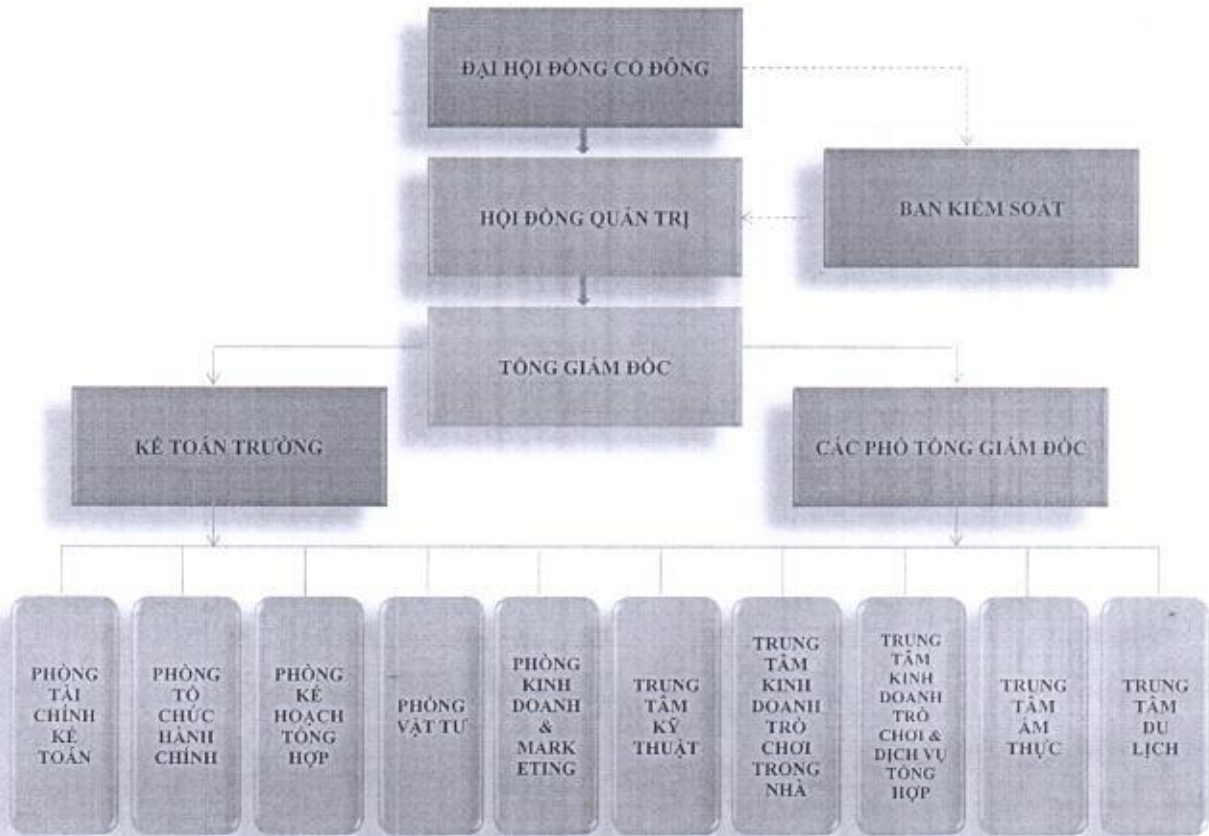
Ngành nghề kinh doanh

- ◆ Haseco hoạt động trong lĩnh vực vui chơi, giải trí các trò chơi dưới nước, trên mặt đất và trên không;
- ◆ Dịch vụ văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- ◆ Cho thuê địa điểm, hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- ◆ Kinh doanh du lịch lữ hành (bao gồm lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế);
- ◆ Vận chuyển khách du lịch;
- ◆ Tư vấn đầu tư các loại hình kinh doanh văn hóa thể thao, vui chơi giải trí;
- ◆ Dịch vụ massage và vật lý trị liệu.

Địa bàn kinh doanh

- ◆ Haseco hoạt động chủ yếu trên địa bàn Thành phố Hà Nội, các thành phố và các tỉnh Miền Bắc.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



5. Định hướng phát triển

◆ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững;
- Phát triển thương hiệu “Công viên Hồ Tây”:
 - o Là thương hiệu nổi tiếng hàng đầu trong lĩnh vực vui chơi, giải trí, tổ chức sự kiện, tổ chức tiệc cưới, dịch vụ du lịch trong nước và hướng đến tầm khu vực
 - o Tiếp tục gia tăng trên thị trường vui chơi giải trí
- Đảm bảo lợi ích của cổ đông, tỷ lệ cổ tức năm 2015 đạt bằng năm 2014 là 7% trong điều kiện không có biến động về tiền thuế đất;
- Chăm lo đời sống người lao động, thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng.

◆ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp;
- Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách hệ thống, bài bản, tiếp thu kịp thời các tri thức kinh doanh hiện đại; nâng cao năng lực quản trị đạt tầm chuyên nghiệp;
- Hoạch định định hướng chiến lược phát triển đúng đắn phù hợp với từng thời điểm nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Thực hiện tốt công tác quản trị, điều hành:
 - o Nâng cao năng lực quản trị đạt tầm chuyên nghiệp, Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực
 - o Thường xuyên kiểm tra Ban điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ các chi phí hoạt động kinh doanh;
- Tiếp tục đổi mới hạ tầng cơ sở;
- Chú trọng đầu tư, nâng cấp chất lượng dịch vụ;
- Quản trị lại khâu bán hàng, tối ưu hóa nguồn nhân lực Công ty;
- Chú trọng công tác phát triển thương hiệu, nâng cao thị phần;

◆ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty;
- Chăm lo đời sống người lao động;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng.

6. Các rủi ro

- ◆ Nền kinh tế chưa thoát khỏi giai đoạn khó khăn trì trệ.
- ◆ Yếu tố thời tiết và mùa vụ.
- ◆ Áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực vui chơi giải trí từ các tập đoàn lớn và các khu vui chơi trong các khu chung cư, trung tâm thương mại.
- ◆ Diện tích nhỏ hẹp với mục đích sử dụng chỉ là vui chơi và giải trí.
- ◆ Chưa có chính sách ưu đãi về thuế đất đối với lĩnh vực vui chơi giải trí vốn có tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư thấp lại cần diện tích đất rộng bao gồm cả diện tích cây xanh, đường dạo nhưng khi tính thuế đất chưa được bóc tách để áp thuế.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Doanh thu các sản phẩm chủ yếu của Công ty như sau:

Doanh thu Công viên Nước chỉ đạt 36,53 tỷ đồng, giảm hơn 17,26 tỷ đồng hay giảm 32,09% so với thực hiện năm 2013.

Tổng lượng khách: đạt 339.597 lượt khách, giảm 177.071 lượt khách hay giảm 34,27% so với năm 2013, **trong đó riêng khách lẻ giảm tới 172.031 lượt khách hay giảm 38,6% so với cùng kỳ năm 2013.**

Doanh thu Công viên Mặt Trời Mới (bao gồm vé vào cửa và vé trò chơi) đạt 9,12 tỷ đồng, giảm hơn 1,32 tỷ đồng hay giảm 12,69% so với thực hiện năm 2013.

Tổng lượng khách: đạt 151.559 lượt khách, tăng 14.361 lượt khách hay tăng 10,47% so với năm 2013, trong đó khách lẻ giảm 13.609 lượt khách hay giảm 16,32% so với năm 2013, khách đoàn tăng 27.970 lượt khách hay tăng 51,98% so với năm 2013.

Doanh thu Bộ phận kinh doanh Âm thực đạt được là 13,37 tỷ đồng, giảm 4,49 tỷ đồng hay giảm 25,15% so với mức thực hiện năm 2013. Sự sụt giảm này là do trong năm qua lượng khách đến Công viên Hồ Tây giảm mạnh nên đã có ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của bộ phận đạt được trong năm, hơn nữa do kinh tế còn khó khăn nên khách hàng có tâm lý hạn chế các khoản chi tiêu.

Doanh thu Kinh doanh bán lẻ đạt ~4,37 tỷ đồng, giảm hơn 1,52 tỷ đồng hay giảm 25,87% so với thực hiện năm 2013. Sự sụt giảm này cũng là do trong năm qua lượng khách đến Công viên Hồ Tây giảm mạnh nên đã có ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của bộ phận đạt được trong năm, ngoài ra do kinh tế còn khó khăn nên việc chi tiêu mua sắm của khách hàng cũng bị cắt giảm nhiều.

Ngay từ đầu năm 2014, nhận thấy các yếu tố thời tiết và cạnh tranh không thuận lợi làm cho lượng khách đến CVHT có chiều hướng giảm sút, cần phải có giải pháp thúc đẩy kinh doanh. Ban điều hành công ty đã tập trung cùng cố công tác tiếp thị bán hàng theo hướng chuyên nghiệp hóa và chuyên môn hóa việc bán các sản phẩm dịch vụ của CVHT, đặc biệt là các sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh so với các khu vui chơi giải trí khác để tạo nên sự khác biệt. Trên cơ sở đó,

Ban điều hành đã sắp xếp lại bộ máy của Trung tâm kinh doanh sự kiện và đổi tên thành Phòng kinh doanh & Marketing với hai nhiệm vụ chính là tiếp thị bán hàng và kinh doanh sự kiện, điều chuyển bộ phận phục vụ khách đoàn sang Trung tâm du lịch, bộ phận truyền thông được chuyển về Phòng kế hoạch tổng hợp.

Công tác tổ chức sự kiện với đầu mối là Phòng kinh doanh đã được chuẩn hóa và chuyên môn hóa, đã được khách hàng tin nhiệm mỗi khi tổ chức sự kiện tại Công viên Hồ Tây về tư vấn thiết kế chương trình, về bộ máy tổ chức chuyên nghiệp cũng như tinh thần thái độ phục vụ chu đáo, ân cần, niềm nở.

Với thương hiệu về tổ chức sự kiện được công ty tạo dựng trong mấy năm qua đã có tiếng vang rộng khắp và phát huy hiệu quả, ngoài các chương trình sự kiện truyền thống (*như ngày hội gia đình, hội nghị liên hoan/tổng kết...*), đã có công ty tổ chức biểu diễn chuyên nghiệp ở khu vực phía Nam lựa chọn và ký hợp đồng tổ chức sự kiện lớn mang tên “Lễ hội âm nhạc Glow” tại Công viên Hồ Tây với sự góp mặt của nhiều ca sỹ nổi tiếng trong nước và quốc tế cùng hàng chục ngàn lượt khách đến “khuấy động” Công viên Hồ Tây. Tiếp nối thành công đó là các sự kiện Lễ hội Halloween và Lễ hội Noel do Haseco phối hợp tổ chức với một đối tác có thế mạnh về truyền thông và sự kiện cũng thu hút nhiều chục ngàn lượt khách đến Công viên Hồ Tây. Việc tổ chức thành công các sự kiện này, ngoài hiệu quả kinh tế thì hiệu quả về truyền thông quảng bá hình ảnh thương hiệu của công ty thu được cũng rất lớn.

Để công tác tiếp thị bán hàng đạt hiệu quả cao, trong năm qua, được sự chỉ đạo sát sao của Ban điều hành, Phòng kinh doanh tập trung xây dựng và hoàn thiện các bộ sản phẩm dịch vụ của Công viên Hồ Tây, đã cho in ấn và phát hành hai bộ profile tổ chức sự kiện và profile tiệc cưới – đây là các công cụ phục vụ công tác tiếp thị bán hàng và quảng bá sản phẩm thương hiệu rất hữu ích, đã được khách hàng ghi nhận. Đối với các sản phẩm tour dành cho học sinh tiểu học, ngoài việc duy trì những nét chợ quê truyền thống đã được khách hàng đón nhận từ năm trước, năm 2014 này Phòng kinh doanh đã thiết kế và xây dựng chùm sản phẩm mới kết hợp với chương trình hỗ trợ rèn luyện kỹ năng sống dành riêng cho đối tượng khách hàng này với chủ đề “Bé học làm giao thông” và “Bé làm lính biển đảo”, chùm tour học sinh này đã được chuyển tới khách hàng ngay sau khi khai giảng năm học mới thông qua các kênh bán hàng của công ty và được khách hàng hào hứng đón nhận với nhiều hợp đồng đã được ký kết cho hàng chục ngàn lượt khách tham gia trong quý IV/2014 này.

Với định hướng đúng đắn và những giải pháp thúc đẩy kinh doanh phù hợp mà Ban điều hành đã sát sao chỉ đạo cùng với sự nỗ lực vượt bậc của mọi CBNV, nên mặc dù công ty gặp rất nhiều khó khăn trong thực hiện kế hoạch kinh doanh nhưng kết quả mà Phòng kinh doanh đạt được trong năm qua rất khả quan và đáng khích lệ. Tổng doanh thu khai thác đạt hơn 24,38 tỷ đồng, tăng 146,8 triệu đồng hay tăng 0,61% so với năm 2013. Đặc biệt, doanh thu cho thuê địa điểm và dịch vụ tổ chức sự kiện đạt hơn 6,15 tỷ đồng, tăng hơn 2,67 tỷ đồng hay tăng 76,95% so với năm 2013.

Trong điều kiện kinh tế khó khăn, kinh doanh dịch vụ du lịch và vui chơi giải trí gặp khá nhiều khó khăn do sức cầu yếu, hơn nữa đây là lĩnh vực cạnh tranh khá gay gắt. Do đó, ngay từ đầu năm, Trung tâm du lịch (TTDL - Haseco Travel) đã tập trung khảo sát và xây dựng tour tuyến, hoàn thiện bộ sản phẩm tour du lịch và đề xuất in ấn phát hành profile tour du lịch phục vụ công tác tiếp thị bán hàng. Đồng thời, tăng cường củng cố đội ngũ nhân sự bán hàng và điều hành để hướng đến sự chuyên môn hóa, lựa chọn đội ngũ cộng tác viên hướng dẫn giàu kinh nghiệm để đảm bảo khách đi tour luôn được quan tâm chăm sóc tận tình chu đáo.

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát và định hướng đúng đắn của Ban điều hành, TTDL đã tập trung khảo sát và phân tích thị trường để lựa chọn thị trường mục tiêu phù hợp với thế mạnh của mình mà các đối thủ cạnh tranh chưa có, qua đó xây dựng các sản phẩm chuyên biệt riêng có của mình.

Trên cơ sở đó, trong năm qua TTDL đã tập trung vào hai hướng kinh doanh chính. *Thứ nhất*, đối với thị trường tour du lịch nội địa, tập trung duy trì và phát triển các bạn hàng truyền thống (với các tour nghỉ mát, tour lễ hội,...), đồng thời xây dựng và phát triển loại hình tour hội thảo, hội nghị - với loại hình tour này, TTDL đã gặt hái được một số kết quả khả quan, đã tổ chức thành công một số tour hội nghị, hội thảo diễn ra tại Hà Nội và Hạ Long, đặc biệt đã có tour hội thảo quốc tế (GIZ) được tổ chức ngay tại Trung tâm hội nghị Sen Hồng, đã ghi được dấu ấn có tác dụng truyền thông quảng bá hình ảnh thương hiệu của Công viên Hồ Tây. *Thứ hai*, đối với thị trường tour du lịch outbound, Haseco Travel đã tìm kiếm liên hệ với một số đối tác, xây dựng và chào bán được một số sản phẩm mới như: tour homestay dành cho học sinh và phụ huynh thăm quan môi trường giáo dục tại Nhật Bản; tour thăm quan học tập tại Australia và đặc biệt là tour thăm quan với chủ đề mùa thu nước Nga và dự kiến sắp tới mở tuyến tour du lịch đến Nga và các nước vùng Baltic.

Với hướng đi đúng đắn đó, kết quả kinh doanh của Trung tâm du lịch đạt được rất khả quan, có bước bứt phá mạnh mẽ với doanh thu năm 2014 đạt hơn 4,73 tỷ đồng. Tuy nhiên, do chưa có thị trường ổn định để phát triển bền vững nên cũng chưa thể kỳ vọng cho sự bứt phá trong thời gian tới.

Song song với chức năng kinh doanh chính như nêu trên, TTDL còn được giao nhiệm vụ tiếp đón và phục vụ các tour học sinh cũng như khách đoàn đến vui chơi tại Công viên Hồ Tây do Phòng kinh doanh là đầu mối khai thác. Ngoài việc phối hợp với Phòng kinh doanh trong quá trình xây dựng sản phẩm mới, TTDL tập trung củng cố đội ngũ nhân sự tiếp đón và phục vụ các tour khách đoàn, đặc biệt là đội ngũ MC, hướng dẫn viên kiêm hoạt náo viên vui nhộn, hài hước để tăng tính sôi động và hấp dẫn đối với khách hàng, đặc biệt là lứa tuổi học sinh. Trong năm qua, TTDL đã đón tiếp hàng trăm tour khách đoàn với hàng chục ngàn lượt khách đến vui chơi tại Công viên Hồ Tây.

Doanh thu Trung tâm trò chơi trong nhà đạt 1,87 tỷ đồng, giảm nhẹ 13,9 triệu đồng hay giảm 0,74% so với thực hiện năm 2013.

Doanh thu sản phẩm này giảm là do lượng khách đến Công viên Hồ Tây giảm.

Kinh doanh Bãi xe: Doanh thu Bãi xe đạt 676,8 triệu đồng, tăng 60,4 triệu đồng hay tăng 9,80% so với thực hiện năm 2013. Việc kinh doanh bãi xe chỉ chủ yếu phục vụ lượng khách đến Công viên Hồ Tây nên khả năng kinh doanh bị hạn chế. Trong năm qua, công ty đã áp dụng một số chính sách giá vé linh hoạt phục vụ các sự kiện diễn ra vào các buổi tối cuối tuần, ngoài ra một số sự kiện lớn tổ chức thành công trong quý 4 (Glow, Halloween, Noel, Pool Party) đã thu hút nhiều chục ngàn lượt khách đến Công viên nên đã thúc đẩy gia tăng doanh thu bãi xe trong năm 2014 vừa qua.

Kinh doanh Nhà khách: Doanh thu đạt 113,8 triệu đồng, giảm 65 triệu đồng hay giảm 37,18% so với thực hiện năm 2013, nguyên nhân chủ yếu là do lượng khách Công viên nước sụt giảm mạnh, ngoài ra do khách hàng đến vui chơi tại CVHT có tâm lý tiết kiệm, hạn chế hoặc thậm chí cắt giảm những khoản chi tiêu không thực sự cần thiết.

Doanh thu hoạt động khác đạt hơn 11,8 tỷ đồng, tăng 397,8 triệu đồng hay tăng 3,49% so với thực hiện năm 2013.

2. Tổ chức nhân sự

Danh sách Ban Điều Hành

a. Bà Trần Thị Bạch Yến – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 0 %

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ chuyên môn và đơn vị công tác</i>
05/1980 – 08/1984	Nhân viên Công ty Mây tre xuất khẩu - Liên hiệp Công ty XNK và đầu tư Hà Nội
09/1984 – 12/1991	Cán bộ Đoàn chuyên trách, Phó Bí thư Đoàn chuyên trách, Bí thư đoàn chuyên trách – Thuộc Liên hiệp Công ty XNK và đầu tư Hà Nội
01/1992 – 08/1994	Chuyên viên phòng Tổ chức – Liên hiệp Công ty XNK và đầu tư Hà Nội.
09/1994 – 05/1995	Chuyên viên Văn phòng Tổng hợp – Sở Du lịch Hà Nội
06/1995 – 04/1997	Phó phòng quản lý khách sạn – Sở Du lịch Hà Nội
05/1997 – 08/2000	Trưởng phòng quản lý khách sạn – Sở Du lịch Hà Nội
09/2000 – 10/2004	Phó Giám đốc Công ty Thương mại và Tổng hợp Thăng Long
11/2004 - 04/2010	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Hà Nội Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Dịch vụ Giải Trí Hà Nội
4/2010 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Hà Nội Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Dịch vụ Giải Trí Hà Nội

b. Ông Hoàng Văn Toàn – Phó Tổng giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 0,075%

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ chuyên môn và đơn vị công tác</i>
8/1994 – 1/2003	Nhân viên thiết kế phòng kỹ thuật tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu

02/2003 - 10/2006	Thư ký ISO, trợ lý cho đại diện lãnh đạo (QMA) về hệ thống quản lý tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu
11/2006 -1/2007	Trợ lý kỹ thuật cho Tổng Giám Đốc tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu
1/2007- 10/2011	Trưởng phòng kỹ thuật tại Công ty CP Dịch vụ Giải trí Hà Nội
1/11/2011 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dịch vụ Giải trí Hà Nội

c. Ông Đỗ Văn Thắng – Phó Tổng giám đốc

Số cổ phần nắm giữ: 0 %

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ chuyên môn và đơn vị công tác</i>
1/1995 – 12/2002	Là thủ quỹ, kế toán viên, kế toán tổng hợp tại Chi Nhánh Công ty du lịch Bến Thành tại Hà Nội
1/2003 – 12/2008	Trưởng phòng Tổ chức hành chính tại Chi Nhánh Công ty du lịch Bến Thành – Hà Nội
1/2009 – 7/2010	Kế toán trưởng Chi Nhánh Công ty du lịch Bến Thành tại Hà Nội
11/2010 đến nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội

d. Bà Nghiêm Thi Hồng Hạnh

Số cổ phần nắm giữ: 0 %

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ chuyên môn và đơn vị công tác</i>
9/2005 – 11/2007	Thư ký Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
11/2007- 9/2011	Thư ký HĐQT và Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
9/2011- 4/2014	Thư ký HĐQT, Trợ lý Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
T4/2014 đến nay	Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội

e. **Ông Vũ Quang Tuyên – Kế toán trưởng**

Số cổ phần nắm giữ: 0%

<i>Thời gian</i>	<i>Chức vụ chuyên môn và đơn vị công tác</i>
2/1988 – 1/1990	Kế toán tài vụ Trường Hạ sỹ quan trình sát chuyên môn kỹ thuật (T700) thuộc Cục nghiên cứu, nay là Tổng cục II – Bộ Quốc Phòng.
9/1990 – 8/1994	Học tập tại trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Khoa ngân hàng – Tài chính.
10/1994 – 12/2008	Kế toán trưởng và kiêm nhiệm Chủ tịch Công đoàn nhiệm kỳ I (1995-1997) tại Chi nhánh Công ty Dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội
1/2009 – 6/2010	Phó giám đốc kiêm nhiệm Bí thư chi bộ Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội. Đảng ủy viên Đảng ủy Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Bến Thành – TP. Hồ Chí Minh.
7/2010 – 8/2010	Giám đốc và kiêm nhiệm Bí thư Chi bộ Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội. Đảng ủy viên Đảng ủy Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Bến Thành – TP. Hồ Chí Minh.
8/2010 đến nay	Trưởng phòng Tài chính kế toán, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội

Công ty hiện có 18 cán bộ là các trưởng phòng, phó phòng, giám đốc và phó giám đốc các trung tâm, và 147 nhân viên. Trong năm 2014, Công tác củng cố bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được chú trọng:

- ❖ Mô hình tổ chức hoạt động của công ty tiếp tục được hoàn thiện theo hướng chuyên môn hóa để tăng hiệu quả kinh doanh
- ❖ Công tác quản lý, giám sát, kiểm tra nội bộ được tăng cường, đặc biệt là công tác quản lý doanh thu và chi phí.
- ❖ Các nhân sự tâm huyết, có trình độ được cất nhắc, đề bạt vào các vị trí mũi nhọn của Công ty

- ❖ Xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao, có tâm huyết với nghề, chuyên nghiệp từng vị trí công việc;
- ❖ Xây dựng mô hình tổ chức Công ty ngày càng chuyên nghiệp để vận hành tốt, phù hợp với tình hình mới khai thác hết tiềm năng của đội ngũ nhân sự;
- ❖ Tiếp tục áp dụng hình thức đào tạo điện tử thông minh đối với các vị trí Công việc;
- ❖ Chăm lo đời sống người lao động, động viên tinh thần nhân viên gắn bó với Công ty trong giai đoạn kinh doanh gặp khó khăn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2014, Công ty duy trì đảm bảo cảnh quan công viên luôn sạch đẹp, văn minh. Công ty đã hoàn thiện hệ thống mái che Sân khấu trung tâm để phục vụ công việc kinh doanh, đồng thời hoàn thiện việc sửa chữa bảo dưỡng nối liền đường ray Tàu điện trên không và hoàn thiện hàng rào đường dạo ven Hồ Tây.

Như vậy, năm 2014 Công ty vẫn chủ yếu chinh trang lại bộ mặt Công viên để tăng độ hấp dẫn với khách hàng khi đến vui chơi, giải trí.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	129.338,7	149.322,7	15,45
Doanh thu thuần	106.411,9	88.549,4	-16,79
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.350,8	11.663,4	-12,64
Lợi nhuận khác	675,9	995,2	47,24
Lợi nhuận trước thuế	14.026,7	12.658,6	-9,75
Lợi nhuận sau thuế	10.442,0	9.805,1	-6,10
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0,89	0,66	0,23

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
1. <u>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</u>		
➤ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,19	0,94

<ul style="list-style-type: none"> ➤ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ-Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn 	0,674	0,48
2. <u>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</u>		
<ul style="list-style-type: none"> ➤ Hệ số nợ/Tổng tài sản ➤ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu 	0,14	0,22
	0,16	0,27
3. <u>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</u>		
<ul style="list-style-type: none"> ➤ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn bán hàng Hàng tồn kho bình quân ➤ Doanh thu thuần/Tổng tài sản 	31,47	26,89
	0,82	0,59
4. <u>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</u>		
<ul style="list-style-type: none"> ➤ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ➤ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ➤ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần 	0,10	0,11
	0,06	0,07
	0,13	0,13

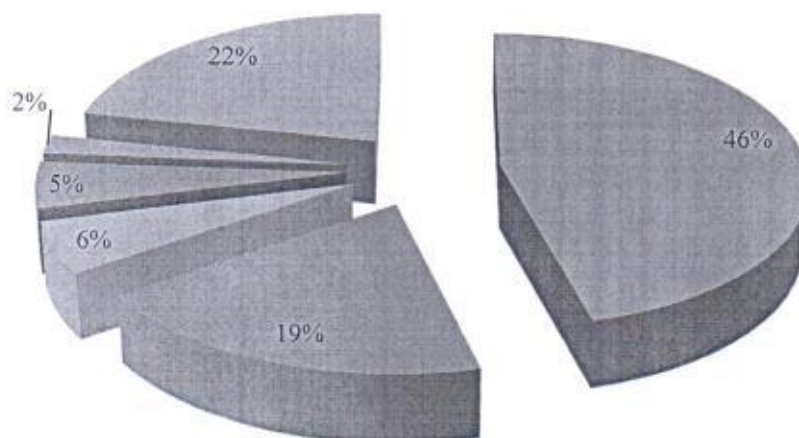
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- ◆ Tổng số cổ phần: 9.297.450 Cổ phần
- ◆ Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- ◆ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 9.297.450 Cổ phần
- ◆ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: Không có

b. Cơ cấu cổ đông

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



- Tổng công ty Du lịch Hà Nội (Doanh nghiệp Nhà nước tham gia HĐQT)
- Tập đoàn Bảo Việt (Doanh nghiệp Nhà nước tham gia HĐQT)
- Công ty TNHH Trí Thành (Pháp nhân trong nước tham gia HĐQT)
- Công ty CPĐTPT&XD Thành Đô (Pháp nhân trong nước tham gia HĐQT)
- Ô. Nguyễn Trung Chính & Ô. Nguyễn Văn Hải (Thẻ nhân tham gia HĐQT)
- Các cổ đông khác

Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty có:

- ◆ 05 cổ đông pháp nhân và 02 cổ đông thẻ nhân tham gia Hội đồng Quản trị sở hữu 7.256.925 cổ phần chiếm 78,083% trên tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết.
 - ◆ 04 cổ đông pháp nhân và 415 cổ đông thẻ nhân sở hữu 2.037.725 cổ phần chiếm 21,924% trên tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết.
- c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có
- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có
- e. Các chứng khoán khác:

- Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: không có
- Số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty đối với cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc phát hành chứng khoán: không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Một số chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện		Mức biến động so với kỳ trước		Tỷ lệ % so với doanh thu thuần	
		Năm 2014	Năm 2013	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Năm 2014	Năm 2013
1	Tổng Doanh thu	88.750,8	106.630,4	-17.879,6	-16,77	-	-
2	Các khoản giảm trừ	201,4	218,5	-17,1	-7,83	-	-
3	Doanh thu thuần	88.549,4	106.411,9	-17.862,5	-16,79	100,00	100,00
4	Giá vốn h/hóa, dịch vụ	41.460,7	45.621,2	-4.160,5	-9,12	46,82	42,87
5	Lợi nhuận gộp	47.088,7	60.790,7	-13.702,0	-22,54	53,18	57,13
6	Doanh thu tài chính	1.190,8	1.766,8	-575,9	-32,6	1,34	1,66
7	Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-
8	Chi phí bán hàng	20.458,6	25.916,6	-5.458,0	-21,06	23,10	24,36
9	Chi phí quản lý	16.157,5	23.290,0	-7.132,5	-30,62	18,25	21,89
10	Lợi nhuận thuần	11.663,4	13.350,8	-1.687,4	-12,64	13,17	12,55
11	Thu nhập khác	995,3	676,5	318,8	47,13	1,12	0,64
12	Chi phí khác	0,1	0,6	-0,5	-85,45	-	-
13	Lợi nhuận khác	995,2	675,9	319,3	47,24	1,12	0,64
14	Lợi nhuận trước thuế	12.658,6	14.026,7	-1.368,1	-9,75	14,3	13,18
15	Chi phí thuế TNDN	2.853,5	3.584,6	-731,1	-20,40	3,22	3,37
16	LN sau thuế TNDN	9.805,1	10.442,0	-636,9	-6,10	11,07	9,81

Trong đó:

- Tổng lượng khách: đạt 491.156 ngàn lượt khách, giảm 24,88% so với năm 2013;
- Tổng doanh thu: đạt 88,75 tỷ đồng, giảm 17,88 tỷ đồng hay giảm 16,77% so với năm 2013.

1.2. Phân tích Doanh thu theo nguồn khách:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2014		Thực hiện 2013		So sánh 2014/2013	
			Doanh thu	Tỷ trọng (%)	Doanh thu	Tỷ trọng (%)	ăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu từ khách lẻ	Tr.đ	36.541,4	46,03	54.534,2	56,02	-17.992,8	-32,99
2	Doanh thu tự khai thác	Tr.đ	31.560,3	39,76	27.417,3	28,17	4.143,0	15,11

3	DT các dịch vụ gia tăng	r.đ	11.282,7	14,21	5.390,2	15,81	4.107,6	-26,69
	Cộng		79.384,4	100,00	7.341,7	100,00	-17.957,4	-18,45

(Bảng tổng hợp doanh thu này không bao gồm HTKD Sen Tây Hồ)

Trong đó:

Doanh thu khách lẻ: Là doanh thu bán vé lẻ cho khách đến vui chơi tại CVHT;

Doanh thu tự khai thác: Là doanh thu phát sinh từ các hợp đồng bán hàng và cung cấp dịch vụ, hợp đồng tổ chức sự kiện, các giao dịch bằng mail/fax hoặc điện thoại về việc đặt ăn, đặt vé đoàn... thông qua đầu mối là Phòng kinh doanh của Công ty.

Doanh thu các dịch vụ gia tăng: Là doanh thu phát sinh từ tất cả các nguồn khách (khách lẻ, khách mời, khách tự khai thác) do mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ ngay trong công viên mà ta không thể thống kê phân loại được cho từng đối tượng khách hàng này.

Từ bảng số liệu phân tích trên cho ta thấy:

Doanh thu từ nguồn khách lẻ chỉ đạt 36,54 tỷ đồng, giảm 17,99 tỷ đồng hay giảm 32,99% so với năm 2013; **Doanh thu từ nguồn khách tự khai thác đạt 31,56 tỷ đồng, tăng 4,14 tỷ đồng hay tăng 15,11% so với năm 2013;** Doanh thu từ các dịch vụ gia tăng đạt 11,28 tỷ đồng, giảm 4,1 tỷ đồng hay giảm 26,69% so với năm 2013.

Tỷ trọng doanh thu từ khách lẻ chiếm 46,03%, giảm 9,99% so với năm 2013; **Tỷ trọng doanh thu từ nguồn khách tự khai thác đạt 39,76%, tăng 11,59% so với năm 2013;** Tỷ trọng doanh thu từ các dịch vụ gia tăng chiếm 14,21%, giảm 1,6% so với năm 2013.

Điều đó cho thấy, nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm doanh thu trong năm 2014 này là do sự sụt giảm của nguồn khách lẻ. Với nguồn khách tự khai thác, mặc dù đạt mức tăng trưởng khá cao nhưng không đủ bù đắp cho sự sụt giảm mạnh của nguồn khách lẻ.

Hơn nữa, doanh thu vé lẻ trọn gói CVN năm 2014 chỉ đạt 30,17 tỷ đồng, giảm 16,33 tỷ đồng hay giảm 35,13% so với năm 2013, doanh thu vé khách đoàn/sự kiện CVN đạt 4,68 tỷ đồng, giảm 693,9 triệu đồng hay giảm 12,91% so với năm 2013. Và như vậy doanh thu toàn bộ CVN chỉ đạt 36,53 tỷ đồng, giảm 17,26 tỷ đồng hay giảm 32,09% so với năm 2013, dẫn tới tỷ trọng doanh thu CVN so với tổng doanh thu thực hiện của toàn công ty (không bao gồm yếu tố SEN) giảm mạnh chỉ còn 46,02%, giảm 9,24% so với năm 2013.

Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 12,65 tỷ đồng, giảm hơn 1,36 tỷ đồng hay giảm 9,75% so với thực hiện năm 2013. Sự sụt giảm này phần lớn là do sự sụt giảm doanh thu CVN như phân tích nêu trên.

Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt hơn 9,8 tỷ đồng, giảm 637 triệu đồng hay giảm 6,10% so với thực hiện năm 2013.

Những tiến bộ công ty đạt được:

- ◆ Cơ sở hạ tầng liên tục được đầu tư, nâng cấp; thường xuyên tăng cường công tác duy tu bảo dưỡng và chăm sóc cảnh quan, vệ sinh môi trường;
- ◆ Chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao;
- ◆ Sản phẩm dịch vụ đa dạng, chất lượng được cải thiện;
- ◆ Đời sống vật chất, tinh thần và các chế độ của người lao động luôn được đảm bảo, chú trọng.

2. Tình hình tài chính

- Về tổng tài sản: Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2014 đạt 149,32 tỷ đồng, tăng 19,98 tỷ đồng hay tăng 15,45% so với năm 2013.
- Về cơ cấu tài sản: Tài sản ngắn hạn là 27,93 tỷ đồng, chiếm 18,71%; Tài sản dài hạn là 121,38 tỷ đồng, chiếm 81,29%.
- Về cơ cấu nguồn vốn: Nợ phải trả là 32,28 tỷ đồng, chiếm 21,62%; Vốn chủ sở hữu là 117,03 tỷ đồng, chiếm 78,38%.
- Hệ số thanh toán tổng : 4,62 [(Tổng tài sản)/(Nợ ngắn hạn + Nợ dài hạn)]
quát
- Hệ số thanh toán nhanh : 0,48 [(Tiền+tương đương tiền)/(Nợ ngắn hạn)]
- Hệ số ROA : 9,09% [LNTT/TTS bình quân]
- Hệ số ROE : 11,09% [LNTT/VCSH bình quân]

Phân tích nguyên nhân

Là đơn vị kinh doanh ngoài trời nên chịu ảnh hưởng rất lớn của thời tiết: thời tiết năm 2014 đã có những diễn biến bất thường không thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của công ty, trong năm mưa nhiều – đặc biệt ngày mưa lại chủ yếu rơi vào các ngày thứ bảy, Chủ nhật và ngày Lễ. Do đó kết quả kinh doanh không đạt được như kế hoạch đề ra:

- Doanh thu tháng 3 chỉ bằng 50,9% so với cùng kỳ tháng 3/2013, lượng khách CV.MTM sụt giảm mạnh làm cho tổng lượng khách tháng 3 chỉ bằng 28,9% so với cùng kỳ 2013;
- Tháng 4 với sự kiện nổi bật là ngày hội mở cửa CVN nhưng doanh thu tháng này chỉ bằng 25,2% so với cùng kỳ tháng 4/2013;
- Tháng 6 và tháng 7 là hai tháng cao điểm nhất trong năm nhưng cũng chỉ đạt mức doanh thu tương ứng bằng 67,7% và 73,5% so với cùng kỳ 2013.
- Bằng những nỗ lực thúc đẩy kinh doanh không mệt mỏi, doanh thu của công ty chỉ bắt lên được trong những tháng cuối mùa hoạt động CVN và các tháng cuối năm gắn với các sự kiện lớn của các bạn hàng truyền thống như Yamaha, Goshi Thăng Long, VAP, Denso,... **doanh thu tháng 8 bằng 168,9%, tháng 9 bằng 121,6%, tháng 11 bằng 187,5% và tháng 12 bằng 182% so với cùng kỳ 2013.** Tuy nhiên, đây là các tháng cuối mùa hoạt động CVN và các tháng thấp điểm cuối năm nên tăng trưởng doanh thu các tháng này không đủ bù đắp được số sụt giảm vào các tháng cao điểm dẫn đến chỉ tiêu doanh thu cả năm 2014 đã sụt giảm như con số phân tích nêu trên, trong đó riêng doanh thu CVN giảm hơn 17,26 tỷ đồng hay giảm 32,09%, về lượng khách CVN giảm 34,27% so với cùng kỳ năm 2013. Sự sụt giảm doanh thu CVN có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận đạt được của công ty

trong năm qua do chi phí giá vốn dịch vụ tương ứng với khoản doanh thu này là rất thấp (vì cơ cấu giá vốn CVN có định phí chiếm tỷ trọng lớn và đã hạch toán ghi nhận toàn bộ vào chi phí trong năm, còn biến phí chiếm tỷ trọng nhỏ và phát sinh không đáng kể so với khoản doanh thu bị sụt giảm).

- Từ nửa cuối năm 2013, sự kiện khai trương rầm rộ của Tổ hợp Vincom Mega Mall Royal City và tiếp nối là Tổ hợp Vincom Mega Mall Time City cùng với danh tiếng của chủ đầu tư cũng như những lợi thế của các tổ hợp đa năng này trong việc thu hút một lượng lớn khách hàng đến không chỉ để vui chơi giải trí mà còn được tham quan mua sắm và nhiều tiện ích khác nữa, và do đó, miếng bánh thị phần trong lĩnh vực vui chơi giải trí còn nhỏ bé (*do đặc điểm tâm lý thị hiếu tiêu dùng của người dân*) trên địa bàn Thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận đã phải chia sẻ lại, đây cũng là một trong những **nguyên nhân chính làm giảm sút lượng khách lẻ** đến với Công viên Hồ Tây trong thời gian qua.
- Một nguyên nhân nữa có ảnh hưởng đến doanh thu của công ty trong năm qua là do nhu cầu tiêu dùng của người dân cũng như doanh nghiệp cho các dịch vụ vui chơi giải trí đã và đang bị hạn chế hoặc cắt giảm trong điều kiện kinh tế đất nước còn khó khăn. Một số khách hàng doanh nghiệp trước đây có kế hoạch tổ chức sự kiện thường niên tại CVHT, nhưng sang năm nay do không cân đối được nguồn kinh phí nên đã phải hủy bỏ kế hoạch thường niên này, một số doanh nghiệp tuy vẫn duy trì được kế hoạch tổ chức sự kiện thường niên nhưng đã phải cắt giảm một số hạng mục chi tiêu và kiên quyết yêu cầu CVHT giảm giá một số dịch vụ, đồng thời tăng thêm một số dịch vụ khuyến mại để hỗ trợ khách hàng.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giảm ~4,16 tỷ đồng hay giảm 9,12% so với năm 2013 là do: Giá vốn âm thực giảm 2,55 tỷ đồng hay giảm ~25,5% (*DT giảm 25,2%*); Giá vốn bán lẻ giảm 780,6 triệu đồng hay 27,4% (*DT giảm 25,9%*); Giá vốn dịch vụ du lịch tăng 3,45 tỷ đồng hay tăng 515,7% (*DT tăng 344,9%*); Giá vốn dịch vụ TCSK tăng 1,86 tỷ đồng hay tăng 127,3% (*DT tăng 76,9%* do ngoài việc giảm giá một số dịch vụ, công ty còn phải tăng cường các chi phí khuyến mại để níu giữ khách hàng cũ và thu hút khách hàng mới); Giá vốn dịch vụ CVN & CV.MTM giảm 6,14 tỷ đồng hay giảm 20,04% (*DT giảm 28,94%* - doanh thu và giá vốn giảm không tương ứng là do cơ cấu giá vốn của các dịch vụ này có định phí chiếm tỷ trọng lớn, biến phí chiếm tỷ trọng nhỏ).

Chi phí bán hàng giảm 5,46 tỷ đồng hay giảm 21,06% so với năm 2013 là do: trong điều kiện lượng khách và doanh thu sụt giảm, công ty đã rà soát sử dụng lực lượng nhân sự bán hàng đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm, điều chỉnh kế hoạch phân bổ và sử dụng ngân sách chi tiêu hợp lý, triệt để cắt giảm những khoản chi phí chưa thực sự cần thiết.

Chi phí quản lý giảm 7,13 tỷ đồng hay giảm 30,62% so với năm 2013, do trong điều kiện kinh doanh không thuận lợi, công ty đã áp dụng nhiều biện pháp “thắt lưng buộc bụng” để tiết giảm chi phí, đảm bảo hiệu quả kinh doanh đạt được ở mức hợp lý. Ngoài ra do tiền thuê đất được miễn giảm của năm 2012 được tính trừ vào năm 2014 tương ứng với số tiền thuê đất kỳ 2 không phải nộp là 3,75 tỷ đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2014 đạt 1,19 tỷ đồng, giảm 575,9 triệu đồng hay giảm 32,59% so với mức thực hiện năm 2013. Ngay từ đầu năm 2014, ngân hàng nhà nước tiếp tục hạ trần lãi suất huy động ngắn hạn từ 7% vào cuối năm 2013 xuống còn 6% vào ngày 17/3 và tiếp tục hạ xuống 5,5% vào ngày 29/10/2014, mà nguồn tiền gửi của công ty chủ yếu phát sinh trong các tháng 5-6-7 và cũng chủ yếu là các khoản tiền gửi ngắn hạn. Hơn nữa, nguồn tiền gửi của công ty cũng bị giảm sút mạnh so với năm trước do sụt giảm doanh thu trong năm như phân tích nêu trên.

Lợi nhuận trước thuế đạt hơn 12,65 tỷ đồng, giảm hơn 1,36 tỷ đồng hay giảm 9,75% so với thực hiện năm 2013. Sự sụt giảm này phần lớn là do sự sụt giảm doanh thu CVN như phân tích nêu trên.

Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt hơn 9,8 tỷ đồng, giảm 637 triệu đồng hay giảm 6,10% so với thực hiện năm 2013

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- ◆ Kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động theo hướng chuyên môn hóa với bộ máy tinh gọn, hiệu quả.
- ◆ Công tác quản lý điều hành được củng cố chặt chẽ, chuyên nghiệp
- ◆ Công tác đào tạo nâng cao năng lực điều hành, quản lý của các cán bộ được công ty quan tâm.
- ◆ Trình độ chuyên môn của người lao động cũng được chú trọng. Công tác đào tạo và tái đào tạo được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc.

4. Kế hoạch phát triển tương lai

Năm 2015 dự báo vẫn có nhiều diễn biến phức tạp, xung đột vũ trang tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi, tranh chấp chủ quyền biển đảo vẫn tích tụ nhiều nguy cơ bùng phát khó lường. Kinh tế thế giới dự báo phục hồi chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro, kinh tế Việt Nam chưa thể thoát ra khỏi giai đoạn khó khăn tri trệ nhưng vẫn phải tiếp tục hội nhập sâu rộng và cũng phải cạnh tranh gay gắt hơn, những khó khăn đặt ra trong năm 2014 vẫn sẽ tiếp tục kéo dài trong năm 2015.

Mục tiêu tổng quát của Chính phủ trong công tác điều hành nền kinh tế trong năm 2015 là: tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn và vững chắc hơn năm 2014.

Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng không thoát khỏi những khó khăn chung của nền kinh tế, và đặc biệt đối với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí cũng như dịch vụ du lịch là những lĩnh vực bị ảnh hưởng đầu tiên do tâm lý đã và vẫn đang tiếp tục thất vọng của người dân cũng như của hầu hết các doanh nghiệp, yếu tố thời tiết và mùa vụ cũng như thị trường vui chơi giải trí đang có sự cạnh tranh gay gắt đã và đang có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Công viên Hồ Tây, vì vậy lượng khách đến công viên sẽ khó có biến động nhiều. Do đó việc lập kế hoạch kinh doanh cần phải cân nhắc đến các yếu tố cạnh tranh về giá cả, về chất lượng dịch vụ, về chính sách bán hàng, về chế độ đãi ngộ với nhân viên v.v...

Vi vậy, các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015 được xây dựng trên cơ sở phấn đấu đạt mức tăng trưởng 6,35% so với thực hiện của năm 2014, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu Tổng doanh thu phân đầu năm kế hoạch 2015 đạt **94,38** tỷ đồng, bằng 106,35% so với Tổng doanh thu thực hiện 2014, trong đó:

- Doanh thu Công viên Nước là 39,69 tỷ đồng, bằng 108,65% so với thực hiện 2014.
- Doanh thu Công viên MTM là 9,82 tỷ đồng, bằng 107,75% so với thực hiện 2014.
- Doanh thu Ẩm thực là 14,32 tỷ đồng, bằng 107,14% so với thực hiện 2014.
- Doanh thu kinh doanh Bán lẻ là 4,58 tỷ đồng, bằng 104,96% so với thực hiện 2014.
- Doanh thu TCSK là 6,46 tỷ đồng, bằng 105% so với thực hiện 2014.
- Doanh thu dịch vụ du lịch là 4,87 tỷ đồng, bằng 103% so với thực hiện 2014.
- Doanh thu Trung tâm GAME là 2,0 tỷ đồng, bằng 107,01% so với thực hiện 2014.
- Doanh thu các hoạt động khác: Kinh doanh Bãi xe và Nhà khách phân đầu mức tăng trưởng là 7%, các mảng kinh doanh khác đạt mục tiêu duy trì mức doanh thu đạt được như thực hiện 2014.
- ♦ Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế TNDN là 12,23 tỷ đồng, bằng 96,63% so với thực hiện 2014. Trong đó:
 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh là 10,47 tỷ đồng, bằng 100% so với thực hiện 2014.
 - Lợi nhuận từ hoạt động tài chính là 1,11 tỷ đồng, bằng 93,21% so với thực hiện 2014.
 - Lợi nhuận từ hoạt động khác là 650 triệu đồng, bằng 65,31% so với thực hiện 2014.
- ♦ Chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN là 9,47 tỷ đồng, bằng 96,61% so với thực hiện 2014.
- ♦ Chỉ tiêu Cổ tức năm 2014 là 7% hay 700đ/cổ phiếu, bằng 100% so với thực hiện 2014

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Công ty đã đưa ra các biện pháp:

- ◆ Tiếp tục quan tâm đổi mới hạ tầng cơ sở;
- ◆ Chú trọng đầu tư, nâng cấp chất lượng các sản phẩm dịch vụ ngoài sản phẩm CVN;
- ◆ Tiếp tục quản trị lại khâu bán hàng
- ◆ Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- ◆ Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát chi phí đầu vào để giảm giá vốn, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời tiếp tục rà soát cắt giảm các chi phí chung chưa thực sự cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh doanh
- ◆ Chú trọng công tác phát triển thương hiệu, nâng cao thị phần
- ◆ Quan tâm chăm sóc tốt đời sống người lao động công ty
- ◆ Đảm bảo lợi ích công ty và lợi ích cổ đông.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty

Có thể khẳng định, hoạt động HĐQT năm 2014 đã thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các thành viên HĐQT đã thể hiện tinh thần làm việc nhiệt huyết, dân chủ, trung thực có trách nhiệm cao với cổ đông, với công ty.

Năm 2014, mặc dù hoạt động kinh doanh đứng trước quá nhiều bất lợi từ yếu tố khách quan thời tiết, dịch bệnh, ... năm mà kinh tế chung rất khó khăn, khủng hoảng, người dân thắt chặt chi tiêu, các đối thủ hoạt động trong lĩnh vực giải trí có tiềm lực tài chính mạnh như đã nêu trên, HĐQT đã lãnh đạo Công ty duy trì sự ổn định và phát triển, đảm bảo tốc độ tăng trưởng, tránh các rủi ro, đảm bảo an toàn lao động; Quan hệ công chúng, đối tác kinh doanh và đầu tư ngày càng được mở rộng; Công tác đối nội, đối ngoại thực hiện tốt; Đời sống người lao động được bảo đảm; Vị thế, uy tín, thương hiệu Công viên Hồ Tây vẫn được nâng cao trên thị trường; Công tác quản lý điều hành ngày càng được củng cố chặt chẽ, hướng tới sự chuyên nghiệp, văn hoá doanh nghiệp được chú trọng xây dựng và phổ biến trong toàn công ty.

Cổ tức đạt 7%, giảm 3% so với nghị quyết đại hội cổ đông 2014! Doanh thu đạt 88,75 tỷ giảm 17% so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên đây là một kết quả cần được ghi nhận khi các yếu tố bất ổn xảy ra mà lĩnh vực vui chơi giải trí được cho là lĩnh vực bị ảnh hưởng trực tiếp nặng nề nhất.

2. Đánh giá kết quả của HĐQT về hoạt động của Ban tổng giám đốc công ty

Năm 2014, Ban điều hành đã rất nỗ lực, cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao, thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trong bối cảnh kinh tế suy thoái, biến động bất thường các thành viên Ban điều hành đã thể hiện tinh thần làm việc không mệt mỏi, bám sát các nghị quyết, quyết định của HĐQT để đưa ra những chính sách, kế hoạch phù hợp.

2. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- ◆ Tiếp tục mục tiêu **Kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững**;
- ◆ Tỷ lệ cổ tức đạt bằng năm 2014 là 7% trong điều kiện không có biến động về tiền thuế đất;
- ◆ Tiếp tục phát triển thương hiệu “Công viên Hồ Tây” là một trong những thương hiệu nổi tiếng trong lĩnh vực vui chơi, giải trí, tổ chức sự kiện, tổ chức tiệc cưới, dịch vụ du lịch trong nước và tiếp tục gia tăng thị phần trên thị trường vui chơi giải trí;
- ◆ Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty, chăm lo đời sống người lao động, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng;

Để đạt được những mục tiêu trên, HĐQT chú trọng các công tác:

- ◆ Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐQT trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- ◆ Xây dựng một cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách hệ thống, bài bản, tiếp thu kịp thời các tri thức kinh doanh hiện đại; Nâng cao năng lực quản trị đạt tầm chuyên nghiệp;
- ◆ Hoạch định định hướng chiến lược phát triển đúng đắn phù hợp với từng thời điểm nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- ◆ Thường xuyên kiểm tra Ban điều hành trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- ◆ Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ các chi phí hoạt động kinh doanh;

◆ Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt hơn nữa công tác thưởng, phạt nghiêm minh và làm tốt công tác xã hội từ thiện.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm từ năm 2012 đến năm 2017.

Thành phần Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Bạch Yến	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Haseco (Đại diện: 3.490.000.000 cổ phần của Tổng công ty Du lịch Hà Nội) - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Du lịch Hà Nội
Ông Nguyễn Văn Hải	<ul style="list-style-type: none"> - Phó Chủ tịch HĐQT Haseco (Sở hữu 10.000 Cổ phần) - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Hồ Tây
Ông Nguyễn Trung Chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT Haseco (sở hữu 181.425 Cổ phần) - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghệ CMC
Ông Nguyễn Minh Trí	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 525.000 cổ phần của Công ty TNHH Trí Thành) - Giám đốc Công ty TNHH Trí Thành
Ông Trương Ngọc Lân	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 1.800.000 cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt) - Trưởng Ban đầu tư chiến lược Tập đoàn Bảo Việt

Ông Nguyễn Xuân Hải	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 780.000 cổ phần của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội) - Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch Tổng Công ty Du lịch Hà Nội
---------------------	---

Các tiểu ban thuộc HĐQT: không có

b. Hoạt động của thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị Công ty năm 2014 đã tổ chức 04 cuộc họp với 100% các thành viên tham dự, nội dung và kết quả các cuộc họp được thể hiện đầy đủ trong các nghị quyết HĐQT đã được ban hành:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 76/NQ-HĐQT	13/3/2014	<ul style="list-style-type: none"> - Nhất trí thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014; - Nhất trí thông qua các văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014; - Nhất trí trình Đại hội đồng cổ đông v/v bà Trần Thị Bạch Yến – Chủ tịch HĐQT tiếp tục kiêm nhiệm vị trí Tổng giám đốc Công ty; - Nhất trí thống nhất giữ nguyên mức thù lao HĐQT và BKS năm 2014; - Nhất trí bổ nhiệm Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh, Trưởng phòng KHTH, Trợ lý TGD, Thư ký Công ty vào vị trí Phó Tổng Giám Đốc; - Nhất trí giao Tổng giám đốc làm việc với Công ty luật để rà soát, bổ sung Quy chế Tài chính, Quy chế hoạt

			động của HĐQT.
2	Nghị quyết số 77/NQ-HĐQT	08/07/2014	- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.
3	Nghị quyết số 78/NQ-HĐQT	26/9/2014	- Thông qua việc lưu ký chứng khoán
4	Nghị quyết số 79/NQ-HĐQT	27/11/2014	- Họp HĐQT cuối năm, xem xét đánh giá kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm và ước thực hiện năm 2014; - Thông qua chủ trương tổ chức kỷ niệm 15 năm thành lập Công viên Nước;
5	Quyết định số 01/QĐ/HĐQT/2014	07/04/2014	- Bổ nhiệm Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh vào vị trí Phó Tổng giám đốc Công ty.
6	Quyết định số 02/QĐ/HĐQT/2014	08/10/2014	- Cử cán bộ công ty đi công tác

c. Hoạt động của các tiểu ban HĐQT: không có

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

<u>Stt</u>	<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
1	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban kiểm soát Haseco (Sở hữu 800 Cổ phần)
2	Văn Thị Cẩm	Thành viên Ban kiểm soát Haseco (Sở hữu 0 cổ phần)
3	Nguyễn Văn Thăng	Thành viên Ban kiểm soát Haseco (Sở hữu 0 cổ phần)

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Haseco gồm 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông Haseco bầu, đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Haseconhư sau:

- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Haseco đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành.
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 của Haseco.
- Các công việc khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ và pháp luật.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG:

Giám sát hoạt động

- Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát đánh giá hoạt động quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong năm 2014 đã tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Haseco, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Mặc dù thị trường biến động phức tạp, với sự nỗ lực lớn, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã có những giải pháp thích hợp, kịp thời với tình hình kinh doanh.
- Trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của cổ đông, năm 2014 HĐQT đã làm tốt vai trò hoạch định chiến lược, chính sách, giám sát mọi hoạt động kinh doanh, giám sát quản lý tài chính, hoạch định chiến lược quản lý rủi ro của Công ty, đảm bảo sự trung thực, minh bạch của Báo cáo tài chính.

Thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát

- Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát được duy trì thường xuyên nhằm đảm bảo cho hoạt động an toàn, hiệu quả và bền vững. Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã phát hiện và cảnh báo các sai sót, rủi ro và thường xuyên rà soát các quy trình kinh doanh và hoạt động nghiệp vụ, nêu ra các đánh giá độc lập, khách quan, ý kiến cảnh báo phòng ngừa rủi ro, kiến nghị để hoàn thiện các hoạt động theo hướng an toàn và hiệu quả hơn.
- Ban kiểm soát đã tổng kết kết quả giám sát và kiến nghị với Hội đồng Quản trị, Ban điều hành. Đối với các kiến nghị của Ban kiểm soát trong từng mặt nghiệp vụ, Ban điều hành đã chỉ đạo các đơn vị, bộ phận trong Công ty chấn chỉnh, khắc phục.

Kiểm soát tài chính

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính năm 2014 của Haseco và thống nhất xác nhận kết quả cụ thể như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2014 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty và được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.
- Báo cáo tài chính năm 2014 đã phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Haseco tại thời điểm 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014.
- Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2014 như sau:

Tài sản - nguồn vốn

Đơn vị tính: đồng

Tổng cộng tài sản tính đến 31/12/2014:	149.322.686.054
<i>Trong đó tài sản ngắn hạn</i>	27.936.360.061
<i>Tài sản dài hạn</i>	121.386.325.993
Tổng cộng nguồn vốn tính đến 31/12/2014:	149.322.686.054
Trong đó: vốn chủ sở hữu	117.032.778.554
<i>Gồm: Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	92.974.500.000
<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	8.162.250.000
<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(28.000.000)
<i>Các quỹ</i>	6.118.930.803

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.805.097.751
Nợ phải trả	32.289.907.500
Gồm: Nợ ngắn hạn	29.640.210.524
Nợ dài hạn	2.649.696.976

Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.549.380.855
Giá vốn hàng bán	41.460.673.895
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	47.088.706.960
Doanh thu hoạt động tài chính	1.190.876.551
Chi phí tài chính (chi phí lãi vay)	
Chi phí bán hàng	20.458.634.842
Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.157.526.897
Thu nhập khác	995.298.810
Chi phí khác	82.440
Lợi nhuận khác	995.216.370
Lợi nhuận trước thuế	12.658.638.142
Thuế TNDN phải nộp	2.853.540.391
Lợi nhuận sau thuế	9.805.097.751

Về tình hình tài chính và kết quả hoạt động năm 2014:

VỀ TĂNG GIẢM TSCĐ:

Năm 2014, Công ty đưa vào quyết toán tổng giá trị ĐTXDCB nhà cửa vật kiến trúc là 20.653.774.331 đồng và mua máy móc, thiết bị trị giá 5.574.607.039 đồng.

Theo ý kiến của BKS, việc lựa chọn các nhà thầu tham gia thực hiện công trình nhìn chung phù hợp các quy định của pháp luật về đấu thầu. Việc thương thảo và ký kết các hợp đồng giữa Chủ đầu tư với các nhà thầu đảm bảo tính pháp lý phù hợp các quy định của pháp luật về hợp đồng và quyết định trúng thầu. Hình thức giá trị hợp đồng đã ký phù hợp quyết định trúng thầu của cấp có thẩm quyền và là cơ sở cho việc quyết toán theo hợp đồng.

Công ty kiểm toán độc lập đã soát xét tính hợp lý, hợp lệ các khoản mục sửa chữa, đầu tư XDCB lớn cho năm 2014. Theo ý kiến của kiểm toán viên, Báo cáo

quyết toán vốn đầu tư hoàn thành sau khi đã điều chỉnh và xác định lại theo ý kiến của kiểm toán viên, đã phản ánh trung thực, khách quan và hợp lý tình hình quyết toán vốn đầu tư của công trình tại thời điểm lập báo cáo phù hợp với chuẩn mực, chế độ hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Giá trị kiểm toán là cơ sở để phòng Kế toán thanh toán với bên nhà thầu.

Về kết quả hoạt động:

Năm 2014 doanh thu giảm 17,8 tỷ tương đương 16,7% so với năm 2013. Doanh thu giảm chủ yếu ở dịch vụ kinh doanh công viên nước do thị trường biến động và xuất hiện sự cạnh tranh từ các đối thủ mới. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty giảm mạnh 13,7 tỷ. Điều này cho thấy chi phí cố định của dịch vụ kinh doanh công viên nước chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty.

Chi phí bán hàng năm 2014 giảm 5,4 tỷ tương đương 21,06 % so với năm 2013, chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2014 giảm 7,1 tỷ tương đương 30,62% chủ yếu do khoản tiền thuê đất năm 2012 được tạm giảm 50% hạch toán vào năm 2014 và công ty giảm phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản...

Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA) của Công ty là 9,09% thấp hơn 1,98% so với năm 2013 (11,07%).

Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu (ROE) của Công ty là 11,09% thấp hơn 1,67% so với năm 2013 (12,76%). Điều này cho thấy tỷ suất lợi nhuận năm 2014 giảm sút so với năm 2013.

Về chỉ số khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán tổng quát của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 4,62 lần so với thời điểm 01/01/2014 (7,12 lần). Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 0,94 lần so với thời điểm 01/01/2014 (1,2 lần). Hệ số thanh toán tổng quát vẫn lớn hơn 1 và hệ số thanh toán nợ ngắn hạn xấp xỉ = 1 chứng tỏ khả năng thanh toán tổng quát và hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty được đảm bảo.

Hệ số thanh toán nhanh của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 0,48 so với thời điểm 01/01/2014 (0,675). Mặc dù trong tổng số tài sản ngắn hạn của Công ty có 18,2 tỷ đồng là tiền mặt và tiền gửi tiết kiệm, đây là những tài sản có tính lỏng rất cao nên hệ số thanh toán nhanh thấp nhưng không đáng lo ngại, tuy nhiên với những rủi ro về sụt giảm doanh thu trong năm tới tiếp tục diễn ra, Công ty cần giám sát chặt chẽ hệ số này để cân đối thu chi, đảm bảo thanh khoản.

Hệ số thanh toán nợ dài hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 45,81 so với thời điểm 01/01/2014 (444,04). Các khoản nợ dài hạn của Công ty phát sinh nhỏ không gây ảnh hưởng lớn tới tình hình tài chính của Công ty.

Về chỉ số cơ cấu nguồn vốn:

Hệ số nợ của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 0,22 lần hệ số này tăng so với thời điểm 01/01/2014 là 0,08 lần do nợ chi phí phải trả (phải trả các nhà thầu xây dựng) tăng cao. Khả năng tự chủ về tài chính của Công ty tốt do có hệ số nợ nhỏ.

Tỷ suất tự tài trợ tại thời điểm 31/12/2014 của Công ty là 78,38%, cho thấy tình trạng tài chính lành mạnh và chủ động tốt về tài chính của Công ty.


Đánh giá chung về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2014:

Trong ba năm qua, Công ty đã cải tạo mặt bằng cảnh quan, đào tạo đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp tổ chức sự kiện. Công ty đã tổ chức thành công các sự kiện lớn vào mùa đóng cửa của Công viên Nước, bù đắp vào sự sụt giảm của doanh thu trong năm 2014.

Doanh thu tăng trưởng khá tốt trong những năm qua, tuy nhiên năm nay do khó khăn của nền kinh tế và các đối thủ cạnh tranh khác đã làm thị phần, doanh thu của Công ty thu hẹp. Dòng tiền thu của Haseco dự báo các năm tiếp theo khó duy trì được mức tăng trưởng. Trong khi hạ tầng kỹ thuật và thiết bị của Công viên Nước bắt đầu có dấu hiệu hư hỏng đòi hỏi chi phí khá lớn để sửa chữa, tác động, ngoài ra áp lực cho Haseco khi phải tính đến bài toán luôn đổi mới để giữ chân khách hàng cũ và thu hút khách hàng mới (đầu tư thêm các trò chơi mới trong hệ thống trò chơi của mình). Các yếu tố này sẽ có tác động lớn đến dòng tiền chi ra trong thời gian tới.

Công ty vẫn gặp khó khăn trong kế hoạch kế nhiệm cho vị trí quản lý cấp cao.

Công ty chưa thống nhất được số tiền thuê đất năm 2012 với cơ quan chức năng. Chính sách thuế đất hàng năm chưa ổn định sẽ ảnh hưởng trọng yếu, trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Haseco. *uht*

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thị Bạch Yến
TRẦN THỊ BẠCH YẾN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (gọi tắt là "công ty") trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Trần Thị Bạch Yến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Trí	Ủy Viên
Ông Nguyễn Đức Thành	Ủy Viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Ủy Viên
Ông Trương Ngọc Lân	Ủy Viên
Ông Nguyễn Trung Chính	Ủy Viên

Ban Tổng giám đốc

Bà Trần Thị Bạch Yến	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng giám đốc
Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 07/04/2014)
Ông Đỗ Văn Thắng	Phó Tổng giám đốc
Ông Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI



Trần Thị Bạch Yến

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

Số: 20^B -15/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội**

Chúng tôi, đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CP Dịch vụ giải trí Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 03 tháng 02 năm 2015, từ trang 06 đến trang 29 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 31/12/2014, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán này được lập thành mười bảy (17) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội giữ 16 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		27.936.360.061	21.476.287.922
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	14.283.991.371	12.098.819.387
1 Tiền	111		983.991.371	3.098.819.387
2 Các khoản tương đương tiền	112		13.300.000.000	9.000.000.000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	4.000.000.000	2.000.000.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		4.000.000.000	2.000.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.766.451.049	4.120.968.276
1 Phải thu của khách hàng	131	VII.3.1	1.347.812.496	1.154.633.145
2 Trả trước cho người bán	132	VII.3.2	5.483.172.996	3.122.745.406
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	112.395.557	2.519.725
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(176.930.000)	(158.930.000)
IV Hàng tồn kho	140		1.699.986.198	1.383.609.974
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	1.699.986.198	1.383.609.974
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.185.931.443	1.872.890.285
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		163.509.321	140.736.460
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		831.517.758	1.617.266.625
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.3.3	190.904.364	114.887.200
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		121.386.325.993	107.862.453.248
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		105.799.528.503	91.769.819.353
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	98.137.382.555	82.717.638.624
- Nguyên giá	222		225.969.951.897	199.929.346.765
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127.832.569.342)	(117.211.708.141)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	7.362.627.221	8.600.691.093
- Nguyên giá	228		17.767.833.000	17.767.833.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.405.205.779)	(9.167.141.907)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	299.518.727	451.489.636
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		15.586.797.490	16.092.633.895
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	15.086.797.490	15.840.428.276
3. Tài sản dài hạn khác	268	VII.3.4	500.000.000	252.205.619
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		149.322.686.054	129.338.741.170

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		32.289.907.500	18.175.263.556
I Nợ ngắn hạn	310		29.640.210.524	17.932.354.465
2 Phải trả người bán	312	VII.3.5	6.245.464.774	5.088.905.012
3 Người mua trả tiền trước	313	VII.3.6	137.059.600	184.353.800
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	2.083.507.292	861.685.606
5 Phải trả người lao động	315		1.104.508.625	735.293.090
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	19.036.545.080	6.198.459.424
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	958.272.905	4.116.820.306
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		74.852.248	746.837.227
II Nợ dài hạn	330		2.649.696.976	242.909.091
3 Phải trả dài hạn khác	333	VII.3.7	180.000.000	225.000.000
4 Vay và nợ dài hạn	334		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338	VII.3.8	2.469.696.976	17.909.091
B VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410+430)	400		117.032.778.554	111.163.477.614
I Vốn chủ sở hữu	410	V.12.	117.032.778.554	111.163.477.614
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		92.974.500.000	92.974.500.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		8.162.250.000	8.162.250.000
4 Cổ phiếu quỹ	414		(28.000.000)	(28.000.000)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		2.112.172.410	2.112.172.410
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.398.761.728	2.398.761.728
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.607.996.665	1.607.996.665
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.805.097.751	3.935.796.811
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		149.322.686.054	129.338.741.170

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Thúy Hà

Vũ Quang Tuyên



Trần Thị Bạch Yến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2014	Năm 2013
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13.	88.750.772.187	106.630.415.870
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.14.	201.391.332	218.503.405
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.15.	88.549.380.855	106.411.912.465
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.16.	41.460.673.895	45.621.198.702
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		47.088.706.960	60.790.713.763
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17.	1.190.876.551	1.766.808.673
7 Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	24	VII.3.9	20.458.634.842	25.916.663.724
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.3.10	16.157.526.897	23.290.028.083
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		11.663.421.772	13.350.830.629
11 Thu nhập khác	31	VII.3.11	995.298.810	676.471.534
12 Chi phí khác	32	VII.3.12	82.440	566.415
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		995.216.370	675.905.119
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		12.658.638.142	14.026.735.748
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.18.	2.853.540.391	3.584.683.937
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		9.805.097.751	10.442.051.811
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.20.	1.055	1.123

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Người lập

Lê Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Vũ Quang Tuyên

Tổng Giám đốc



Trần Thị Bạch Yến

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		100.007.109.756	116.764.353.634
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(44.789.449.465)	(51.497.430.778)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.408.841.374)	(16.330.991.201)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.600.587.037)	(3.115.694.682)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.217.773.926	5.010.213.356
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(25.167.703.265)	(31.867.797.763)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.258.302.541	18.962.652.566
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.285.484.351)	(19.141.665.194)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		60.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.900.000.000)	(29.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.900.000.000	39.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.078.480.994	1.764.603.054
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.147.003.357)	(7.877.062.140)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.926.127.200)	(3.744.633.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.926.127.200)	(3.744.633.420)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		2.185.171.984	7.340.957.006
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.098.819.387	4.757.862.381
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	14.283.991.371	12.098.819.387

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Thúy Hà

Vũ Quang Tuyên



Trần Thị Bạch Yến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998.

Theo giấy đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998 thì vốn điều lệ của Công ty là **100.000.000.000 VND** (Một trăm tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, các trò chơi trên mặt đất, dưới nước và trên không;
- Dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh du lịch lữ hành;
- Tư vấn đầu tư các loại hình kinh doanh văn hoá thể thao, vui chơi giải trí;
- Dịch vụ massage và vật lý trị liệu.

Địa chỉ: Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội
Tel: (04) 3718 4193 Fax: (04) 3718 4190

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán Bravo.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Do không có phát sinh các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ nên Công ty không phải chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng Việt Nam (VND).

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên

- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >	
	Năm 2013	Năm 2014
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25	05 - 30
Máy móc, thiết bị	04 - 08	04 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 08	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07	03 - 07

Trong những năm gần đây, Công ty liên tục đầu tư chỉnh trang, sửa chữa tài sản của công viên, Ban giám đốc tin tưởng việc liên tục sửa chữa, chỉnh trang sẽ kéo dài thời gian sử dụng hữu ích của những tài sản của Công ty. Do đó, năm 2014, Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty đã phê duyệt việc thay đổi thời gian khấu hao của một số tài sản tại tờ trình ngày 10/07/2014. Do thay đổi thời gian khấu hao nên chi phí khấu hao tài sản cố định năm 2014 giảm 3,3 tỷ đồng so với năm 2013.

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng, phần mềm kế toán và bài giảng điện tử.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình, tài sản cố định vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm >
Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	11 - 14
Phần mềm kế toán	3
Bài giảng điện tử	5

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí : Chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh; Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm; Chi phí sửa chữa TSCĐ phát sinh một lần quá lớn cần phải phân bổ cho nhiều kỳ kế toán. Các chi phí có thời gian phân bổ dưới 1 năm được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, các chi phí có thời gian phân bổ từ 1 năm trở lên được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước dựa trên hợp đồng và dự toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, được ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được mua lại do chính Công ty phát hành không nhằm mục đích để bán và được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ vui chơi giải trí, tổ chức hội nghị, kinh doanh ăn uống, doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà,... và doanh thu từ lãi tiền gửi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

9. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

9.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên.

9.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là các chi phí phát sinh trong quá trình mua sắm hoặc xây dựng để hình thành các tài sản phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp.

9.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với hàng đồ chơi, và 10% đối với các dịch vụ vui chơi, ăn uống và các dịch vụ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tiền thuê đất

Số tiền thuê đất hàng năm của Công ty được hạch toán vào chi phí căn cứ trên số thông báo tạm nộp của Chi cục thuế Quận Tây Hồ. Theo đó, số tiền thuê đất có thể thay đổi khi có quyết định chính thức của cơ quan có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

9.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<i>Tiền mặt</i>	189.919.171	284.088.907
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	794.072.200	2.814.730.480
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD - PGD số 8</i>	123.160.112	2.349.923.053
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long</i>	620.381.709	416.359.315
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Quán Thánh</i>	12.914.968	48.448.112
<i>Ngân hàng TMCP HDBank - Chi nhánh Hà Nội</i>	37.615.411	-
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	13.300.000.000	9.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD - PGD số 8</i>	7.700.000.000	5.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long</i>	2.000.000.000	3.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Quán Thánh</i>	-	1.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP HDBank - Chi nhánh Hà Nội</i>	3.600.000.000	-
Tổng cộng	14.283.991.371	12.098.819.387

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư ngắn hạn khác	4.000.000.000	2.000.000.000
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	4.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	1.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP HDBank - Chi nhánh Hà Nội	3.000.000.000	2.000.000.000
Tổng cộng	4.000.000.000	2.000.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Lê Minh Trường	-	1.525.110
Tổng Công ty Thương Mại Hà Nội	-	994.615
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi của kỳ	112.395.557	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - SGD - PGD số 8	22.017.222	-
Ngân hàng TMCP HDBank - Chi nhánh Hà Nội	84.883.889	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam- Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	5.494.444	-
Tổng cộng	112.395.557	2.519.725
4. Hàng tồn kho	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.179.878.188	621.936.833
Công cụ, dụng cụ	140.876.500	181.977.250
Hàng hoá	379.231.510	579.695.891
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	1.699.986.198	1.383.609.974

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
 (tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc			Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
		Máy móc, thiết bị	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải			
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2014		107.885.814.657	89.916.597.418	1.933.966.493	192.968.197	199.929.346.765	
Mua trong kỳ		-	5.574.607.039	-	-	5.574.607.039	
Đầu tư XDCB hoàn thành		20.305.774.622	347.999.709	-	-	20.653.774.331	
Tăng khác		-	-	-	-	-	
Chuyển sang BDS đầu tư		-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán		-	(187.776.238)	-	-	(187.776.238)	
Giảm khác		-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2014		128.191.589.279	95.651.427.928	1.933.966.493	192.968.197	225.969.951.897	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2014		53.212.195.730	63.008.624.543	857.275.512	133.612.356	117.211.708.141	
Khấu hao trong kỳ		5.559.219.975	5.046.353.000	180.441.128	22.623.336	10.808.637.439	
Chuyển sang BDS đầu tư		-	-	-	-	-	
Thanh lý, nhượng bán		-	(187.776.238)	-	-	(187.776.238)	
Giảm khác		-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2014		58.771.415.705	67.867.201.305	1.037.716.640	156.235.692	127.832.569.342	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2014		54.673.618.927	26.907.972.875	1.076.690.981	59.355.841	82.717.638.624	
Tại ngày 31/12/2014		69.420.173.574	27.784.226.623	896.249.853	36.732.505	98.137.382.555	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.968.036.592 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình		Đơn vị tính: VND		
Khoản mục	Phần mềm tin học, kế toán và đào tạo	Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	Tổng cộng	
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2014	1.463.650.000	16.304.183.000	17.767.833.000	
Số dư ngày 31/12/2014	1.463.650.000	16.304.183.000	17.767.833.000	
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2014	209.320.419	8.957.821.488	9.167.141.907	
Khấu hao trong kỳ	290.146.254	947.917.618	1.238.063.872	
Số dư ngày 31/12/2014	499.466.673	9.905.739.106	10.405.205.779	
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2014	1.254.329.581	7.346.361.512	8.600.691.093	
Tại ngày 31/12/2014	964.183.327	6.398.443.894	7.362.627.221	
7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		31/12/2014	01/01/2014	
		VND	VND	
Hạng mục công trình ngầm hóa kênh mương		299.518.727	299.518.727	
Hạng mục công trình nhà ăn cho công nhân viên		-	75.985.455	
Hạng mục công trình sân khấu trung tâm Công viên Hồ Tây		-	75.985.454	
Tổng cộng		299.518.727	451.489.636	
8. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2014	01/01/2014	
		VND	VND	
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		2.288.945.190	1.462.057.149	
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		12.167.298.877	14.378.371.127	
Chi phí trả trước dài hạn khác		630.553.423	-	
Tổng cộng		15.086.797.490	15.840.428.276	
9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		Đơn vị tính: VND		
Khoản mục	01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2014
Thuế GTGT đầu ra	-	2.894.795.035	2.894.795.035	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	9.536.489	9.536.489	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	10.218.346	10.218.346	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	785.989.908	2.853.540.391	1.600.587.037	2.038.943.262
Thuế thu nhập cá nhân	74.934.658	339.831.572	371.134.600	43.631.630
Thuế tài nguyên	761.040	17.384.620	17.213.260	932.400
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.953.675.200	3.953.675.200	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	861.685.606	10.081.981.653	8.860.159.967	2.083.507.292

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

10. Chi phí phải trả	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính	72.500.000	72.500.000
Chi phí đồng phục công nhân viên	193.300.000	194.000.000
Chi phí ăn ca công nhân viên	193.300.000	-
Công ty TNHH KAI Việt Nam	-	189.538.850
Công ty CP dịch vụ và du lịch Mặt Trời Việt	-	227.606.900
Công ty Điện lực Tây Hồ	-	131.649.500
Chi phí lát nền vỉa hè và xây bờ ngăn nước khu vực ven sông lười	-	151.652.091
Thi công mái che cho khách khu vực trò chơi câu cá, tô tượng	-	119.211.818
Thi công cổng và hàng rào sắt khu vực nhà VP trong công viên MTM	-	378.584.545
Chi phí cải tạo khu tắm tráng tầng 1 nhà 3 tầng thành nhà vệ sinh	-	305.227.273
Chi phí hệ thống chiếu sáng đu quay khổng lồ	47.460.276	1.431.010.000
Hạng mục cải tạo khu văn phòng cũ nhà hàng Sen Hồng	8.428.000	201.555.461
Hạng mục thi công nhà dịch vụ tổng hợp khu cổng vào	-	1.096.200.909
Hạng mục thi công nhà để phao khu tháp trượt	1.999.998	445.207.419
Hạng mục phòng kỹ thuật cho trò chơi Thuyền lác	-	455.678.182
Công ty TNHH Cùng Mua	55.570.909	-
Công ty TNHH INOAC Việt Nam	152.792.118	-
Công ty Cổ Phần Kiến Trúc G.A.F	159.930.000	-
Chi phí lát nền sân khấu Trung tâm	782.807.889	-
Chi phí thi công kho đạo cụ và mái che biểu diễn	135.317.273	-
Mái che trò chơi Crazy wave	669.261.580	-
Hạng mục thi công hàng rào đuôi thừa bể hành động	2.958.161.216	-
Hạng mục thi công hàng rào đường dạo ven hồ	2.028.210.941	-
Hạng mục lắp đặt máy biến áp 1000kVA thay máy biến áp 560kVA	787.405.455	-
Hạng mục nhà ăn cho cán bộ công nhân viên	3.949.339.275	-
Hạng mục thi công di chuyển hệ thống ray tàu điện trên không	5.571.943.472	-
Hạng mục thi công mái che sân khấu trung tâm	282.338.959	-
Hạng mục thi công xây dựng trạm biến áp	651.510.909	-
Lê Thị Nhạn	15.489.091	125.630.091
Trần Thu Trang	94.928.610	256.221.637
Đối tượng khác	224.549.109	416.984.748
Tổng cộng	19.036.545.080	6.198.459.424
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	73.138.055	93.953.256
Phải trả, phải nộp khác	885.134.850	4.022.867.050
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2001</i>	<i>12.282.850</i>	<i>14.220.050</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2009</i>	<i>72.416.000</i>	<i>88.456.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2010</i>	<i>121.581.000</i>	<i>157.221.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2011</i>	<i>219.200.000</i>	<i>267.000.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2012</i>	<i>207.400.000</i>	<i>262.180.000</i>
<i>Cổ tức phải trả cổ đông năm 2013</i>	<i>252.255.000</i>	<i>3.233.790.000</i>
Tổng cộng	958.272.905	4.116.820.306

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
 (tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu					Đơn vị tính: VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
12.1	A	1	2	3	6	7
Số dư ngày 01/01/2013		92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	2.918.562.857	104.027.312.857
- Lãi trong năm trước		-	-	-	10.442.051.811	10.442.051.811
- Chia cổ tức		-	-	-	(6.506.255.000)	(6.506.255.000)
- Trích lập các quỹ		-	-	-	(2.918.562.857)	(2.918.562.857)
- Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2013		92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	3.935.796.811	105.044.546.811
- Lãi trong năm nay		-	-	-	9.805.097.751	9.805.097.751
- Chia cổ tức		-	-	-	(2.788.395.000)	(2.788.395.000)
- Trích lập các quỹ		-	-	-	(1.147.401.811)	(1.147.401.811)
Số dư ngày 31/12/2014		92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	9.805.097.751	110.913.847.751
12.2	Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu					
	Tổng Công ty Du lịch Hà Nội					01/01/2013
	Tập đoàn Bảo Việt					VND
	Công ty TNHH Trí Thành				42.700.000.000	42.700.000.000
	Công ty CP Đầu tư phát triển và Xây dựng Thành Đô				18.000.000.000	18.000.000.000
	Ông Nguyễn Trung Chính				5.250.000.000	5.250.000.000
	Vốn góp của các đối tượng khác				4.705.000.000	4.705.000.000
	Cộng				1.814.250.000	1.814.250.000
					20.505.250.000	20.505.250.000
					92.974.500.000	92.974.500.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.800 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

12.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp đầu kỳ	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	92.974.500.000	92.974.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.926.127.200	6.506.255.000

12.4 Cổ phiếu

	Năm 2014 Cổ phiếu	Năm 2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.297.450	9.297.450
- Cổ phiếu phổ thông	9.297.450	9.297.450
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.800	2.800
- Cổ phiếu phổ thông	2.800	2.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.294.650	9.294.650
- Cổ phiếu phổ thông	9.294.650	9.294.650
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

12.5 Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				31/12/2014
Quỹ đầu tư phát triển	2.112.172.410	-	-	2.112.172.410
Quỹ dự phòng tài chính	2.398.761.728	-	-	2.398.761.728
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.607.996.665	-	-	1.607.996.665
Tổng cộng	6.118.930.803	-	-	6.118.930.803

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

13. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.750.772.187	106.630.415.870
Tổng cộng	88.750.772.187	106.630.415.870

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giảm giá hàng bán	201.391.332	186.450.296
Hàng bán bị trả lại	-	32.053.109
Tổng cộng	201.391.332	218.503.405

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

15. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.549.380.855	106.411.912.465
Tổng cộng	88.549.380.855	106.411.912.465
16. Giá vốn hàng bán	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá và dịch vụ đã cung cấp	41.460.673.895	45.621.198.702
Tổng cộng	41.460.673.895	45.621.198.702
17. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.190.876.551	1.766.808.673
Tổng cộng	1.190.876.551	1.766.808.673
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	90.735.556.216	108.855.192.672
Chi phí kế toán của doanh nghiệp	78.076.918.074	94.828.456.924
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	312.000.000	312.000.000
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	77.764.918.074	94.516.456.924
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	12.970.638.142	14.338.735.748
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ	2.853.540.391	3.584.683.937
19. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.417.626.525	3.395.169.198
Chi phí nhân công	19.059.606.479	19.310.846.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.046.701.311	15.902.357.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.965.425.497	50.183.148.125
Chi phí khác bằng tiền	4.587.475.822	6.347.378.329
Tổng cộng	78.076.835.634	95.138.898.906

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.805.097.751	10.442.051.811
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (*)</i>	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.805.097.751	10.442.051.811
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.294.650	9.294.650
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.055	1.123

21. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (các khoản vay trừ đi tiền và tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ cộng với lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.283.991.371	12.098.819.387
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.283.278.053	998.222.870
Các khoản đầu tư tài chính	4.000.000.000	2.000.000.000
Tổng cộng	19.567.269.424	15.097.042.257
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	7.383.737.679	9.430.725.318
Chi phí phải trả	19.036.545.080	6.198.459.424
Tổng cộng	26.420.282.759	15.629.184.742

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do thông tư số 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính. Thông tư số 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của Công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	7.203.737.679	180.000.000	7.383.737.679
Chi phí phải trả	19.036.545.080	-	19.036.545.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	9.205.725.318	225.000.000	9.430.725.318
Chi phí phải trả	6.198.459.424	-	6.198.459.424

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Theo đó Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty sẽ tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.283.991.371	-	14.283.991.371
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.283.278.053	-	1.283.278.053
Các khoản đầu tư tài chính	4.000.000.000	-	4.000.000.000

01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.098.819.387	-	12.098.819.387
Phải thu khách hàng và phải thu khác	998.222.870	-	998.222.870
Các khoản đầu tư tài chính	2.000.000.000	-	2.000.000.000

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu			
Tổng công ty du lịch Hà Nội	Cô đồng	122.412.973	130.209.437
Tập đoàn Bảo Việt	Cô đồng	435.759.091	31.166.000

2.2 Thu nhập Ban giám đốc được hưởng trong năm

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương	1.242.389.165	942.969.312
Tiền thưởng	419.623.000	468.366.675
Tổng cộng	1.662.012.165	1.411.335.987

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

3. Những thông tin khác

3.1 Phải thu của khách hàng

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Vui chơi Thế Hệ Mới	2.833.952	239.148.017
Công ty CP Tư vấn và Đào tạo CONNECT	96.800.000	96.800.000
Công ty CP Truyền thông đa phương tiện Việt Nam	60.000.000	60.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ SEN	29.490.300	53.434.487
Công ty TNHH KAI Việt Nam	-	245.017.850
Nguyễn Thị Ngà	14.530.000	9.090.000
Công ty TNHH Du lịch và Tổ chức sự kiện Sắc Việt	35.259.000	40.259.000
Phạm Quang Hưng	772.000	8.437.500
Công ty Cổ phần Màu Xanh	-	124.178.400
Công ty CP dịch vụ và du lịch Mặt Trời Việt	-	180.595.250
Công ty CP Xây dựng & Quản lý Dự án HIEND	-	74.423.815
Phạm Thị Phương	94.697.600	-
Công ty TNHH Cùng Mua	220.740.000	-
Công ty TNHH HOTDEAL	272.750.000	-
Công ty TNHH INOAC Việt Nam	203.961.000	-
Công ty TNHH Linh Phương	120.681.980	-
Liên Đoàn Lao Động Quận Tây Hồ	45.508.000	-
Các đối tượng khác	149.788.664	23.248.826
Tổng cộng	1.347.812.496	1.154.633.145

3.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Điện lực Hà Nội	841.413.700	641.413.700
Công ty Cổ phần Hà Nội REDTOURS	80.160.000	31.400.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Dự án và Xây dựng Ánh Dương	93.000.000	23.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Truyền thông CFC	-	147.372.500
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Thương mại Việt Tín	-	452.832.480
Công ty Cổ phần Dịch vụ Giá trị Gia tăng GK	195.000.000	124.200.000
Công ty Cổ phần Mỹ thuật Liên Vũ	-	314.028.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng và Thương mại	-	779.137.943
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện Hà Nội	49.950.000	49.950.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Xây dựng Xanh	271.474.156	213.382.933
Công ty TNHH MTV Vinpearl	-	68.914.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc G.A.F	175.923.000	175.923.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Công Nghệ Xây Dựng IBST	125.286.000	-
Công ty TNHH XNK Thương mại và Dịch vụ Phúc Khang	54.075.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Ánh Dương	90.995.400	-
Công ty Liên doanh Công trình Hữu Nghị	3.264.324.500	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Tư vấn Chuyên nghiệp	58.500.000	-
Công ty TNHH Tiến Vạn Lợi	108.643.000	-
Tạ Hoàng Anh	-	50.000.000
Đối tượng khác	74.428.240	51.190.850
Tổng cộng	5.483.172.996	3.122.745.406

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

3.3 Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	170.904.364	94.887.200
Hoàng Thị Hương	-	8.475.000
Trần Quốc Lập	6.155.600	-
Trần Thị Lý	75.772.076	29.012.200
Lê Thị Nhạn	-	24.100.000
Nguyễn Thùy Linh	13.236.500	-
Chu Thị Phương	11.609.488	-
Nghiêm Bá Thành	-	10.000.000
Vũ Lệ Thuý	20.000.000	20.000.000
Lê Thu Trang	11.360.000	-
Phạm Thị Hoàng Uyên	17.250.000	-
Đối tượng khác	15.520.700	3.300.000
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Tổng cộng	190.904.364	114.887.200
3.4 Tài sản dài hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - PGD số 8	500.000.000	252.205.619
Tổng cộng	500.000.000	252.205.619
3.5 Phải trả người bán	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH HANA Đầu tư Xây dựng	2.223.788.469	2.411.634.872
Công ty TNHH Vạn Phú Kim	1.197.281.574	601.636.019
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thăng Long	693.080.318	1.322.268.323
Trần Thị Lý	249.959.459	30.781.767
Trần Quốc Lập	215.611.037	28.974.219
Công ty Cổ phần HEARTLINK	198.630.000	-
Công ty TNHH Sáu Con	190.850.000	-
Công ty TNHH Công nghệ An Nghĩa	172.179.380	-
Công Ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng và Thương mại	132.347.557	-
Nguyễn Thị Hải Huyền	90.098.000	50.510.458
Công ty TNHH Truyền thông Goodcom Việt nam	88.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	66.517.000	3.432.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đức Việt	57.545.426	-
Công ty TNHH Truyền thông và Quảng cáo Hoa Trang	53.925.000	-
Công ty Điện Lực Tây Hồ	47.901.628	-
Lê Minh Trường	43.499.998	7.400.000
Nguyễn Thị Kim Cúc	37.067.000	-
Ngô Thị Ngọc Ánh	36.208.000	15.959.400
Công ty Cổ phần Du lịch Long Phú	35.680.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn ĐTPT Hạ tầng và KTMT NTK Việt Nam	32.947.060	32.947.060
Đặng Minh Thanh	9.909.235	52.845.571

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Truyền thông Tiên phong Việt Nam	5.203.330	74.115.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn Đầu tư và Phát triển CNXD - ICB	-	30.800.000
Công ty Cổ phần LILAMA Hà Nội	-	43.560.000
Công ty Cổ phần Thương mại Lụa Việt	-	34.166.500
Tổng Công ty Thương Mại Hà Nội	-	26.916.136
Công ty Cổ phần TDS Việt Nam	-	52.358.188
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Và Xây dựng Ánh Dương	-	49.517.862
Các đối tượng khác	367.235.303	219.081.637
Tổng cộng	6.245.464.774	5.088.905.012
3.6 Người mua trả tiền trước	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trần Thu Trang	137.059.600	53.000.000
Lê Thị Nhạn	-	131.353.800
Tổng cộng	137.059.600	184.353.800
3.7 Phải trả dài hạn khác	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Linh Phượng	10.000.000	10.000.000
Công ty CP Vui chơi Thế Hệ Mới	150.000.000	150.000.000
Công ty CP Thương mại Lụa Việt	-	45.000.000
Trần Quang Hưng	20.000.000	20.000.000
Tổng cộng	180.000.000	225.000.000
3.8 Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	2.345.454.552	-
Công ty Cổ phần Vui chơi Thế Hệ Mới	100.000.000	-
Đặng Văn Hậu	-	1.090.909
Công ty CP Đầu tư Công nghệ Tài nguyên Môi trường Việt Nam	24.242.424	-
Ông Trần Quang Hưng - Cafe Heri Tran	-	16.818.182
Tổng cộng	2.469.696.976	17.909.091
3.9 Chi phí bán hàng	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.801.064.471	7.619.620.251
Chi phí vật liệu, bao bì	-	9.605.032
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.062.794.912	1.502.423.492
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.859.589.260	3.626.476.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.270.347.327	10.447.636.342
Chi phí bằng tiền khác	2.464.838.872	2.710.902.329
Tổng cộng	20.458.634.842	25.916.663.724

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(tiếp theo)

3.10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.775.318.697	4.058.395.459
Chi phí vật liệu quản lý	648.273.183	687.059.977
Chi phí đồ dùng văn phòng	341.024.843	512.085.105
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.255.051.154	1.494.541.284
Thuế, phí và lệ phí	3.973.515.200	9.587.856.352
Chi phí dự phòng	18.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.139.806.870	3.426.836.634
Chi phí bằng tiền khác	2.006.536.950	3.523.253.272
Tổng cộng	16.157.526.897	23.290.028.083

3.11 Thu nhập khác	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu bán tài sản cố định	54.545.454	-
Bồi thường giải phóng mặt bằng	326.035.453	-
Thu chiết khấu	494.549.026	-
Thu nhập khác	120.168.877	676.471.534
Tổng cộng	995.298.810	676.471.534

3.12 Chi phí khác	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí khác	82.440	566.415
Tổng cộng	82.440	566.415

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty CP Dịch vụ giải trí Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lê Thị Thúy Hà

Vũ Quang Tuyên

Trần Thị Bạch Yến

